



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Tân Chi
Last Middle First

Current Address: 34/17 Cù Xá Lũy Giay P.15. Q.11 TP HCM.

Date of Birth: 03/18/41 Place of Birth: Gò Công

Previous Occupation (before 1975) Cán Bộ Phụ Đắc Ủy Trung Ương Tỉnh Bạc
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/12/75 To 08/09/87
Years: 12 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Hội thánh Vietnamese Evangelical Church Brunswick
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6.. ADDITIONAL INFORMATION :

4945 BALSAM LANE PLYMOUTH MINNESOTA 55442 (612) 559-3893

Mục-sù Trăn vắn Oan

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2565 ngày 21 tháng 11
năm 1972

Trại Nam Hà
Số 89 GRT

00108 | 716 | 23792
SHSLB

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định tha số 28 ngày 16 tháng 7 năm 87

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Tấn Chí Sinh năm 19 41

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

333 đường điện biên phủ Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh

Can tội Trộm cắp tài sản

Bị bắt ngày 17/6/75 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm 1975 của Bộ nội vụ

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 333 đường điện biên phủ Quận 3 TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Anh Chí Từ khi vào trại chưa thấy có biểu hiện gì xấu.
Trong lao động: Tham gia đều, đảm bảo ngày công mức khoán
qua trại. Mọi quy chấp hành nghiêm. Chưa sai phạm gì lớn.
Tham gia học tập đều, hàng năm được xếp loại cải tạo: Trung
Trung bình, khá ./.

Đương sự phải trình diện tại UBND phường, xã: CA Thành phố Hồ Chí Minh

Trước ngày 15 tháng 8 năm 1987

Lấn tay ngón trỏ phải

Của Nguyễn Tấn Chí

Danh Bản số 1375

Lập tại

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 9 tháng 8 năm 1987
Trưởng trại

RZ
Nguyễn Tấn Chí

Châu

Mayer's Tan-Chu'

(1)

Sanh

Un pour l'émulation de la signat
et les nobles de l'humanité

(1) Marge réservée pour la mention en résumé des jugements rectificatifs des notes de l'état-civil.

(1) Lễ chùa để
lược biên án tòa cái
giấy khai sanh lại.

P. E. C.

L'officier de l'Etat civil, A Gocong, le 1941
 1 Jan Tại Thành Phố, ngày 19 Mars 1941

Le Déclarant,
Nguyen Khanh

Signé : Daulh

L'Officier de l'Etat Civil
Cherchez moi le dossier

signé : M^lg

Les Témoins.
Các người chứng

Signé: Sang
Chi

NOTE. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait
Phản nhứt — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kẻ một nét.

(1)

Nom et prénoms de l'enfant..... Tên họ đứa con nít.....	Trần Thị Hằng
Son sexe..... Nam, nữ.....	Nữ
Date de naissance..... Sanh ngày nào.....	Ngày 19 Decembre 1928
Lieu de naissance..... Sanh tại chỗ nào.....	Ấn Độ
Nom et prénoms de son père (pour les Enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué)..... Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi).....	Trần Văn Xuân
Sa profession..... Cha làm nghề gì.....	Làm ruộng
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	Ấn Độ
Nom et prénoms de sa mère..... Tên, họ mẹ.....	Nguyễn Thị Dung
Sa profession..... Mẹ làm nghề gì.....	Làm ruộng
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	Ấn Độ
Son rang de femme mariée..... Vợ chánh hay là vợ thứ.....	Vợ chánh
Nom et prénoms du déclarant..... Tên, họ người khai.....	Trần Văn Xuân
Son âge..... Mấy tuổi.....	32 tuổi
Sa profession..... Làm nghề gì.....	Làm ruộng
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	Ấn Độ
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin..... Tên, họ người chứng thứ nhất.....	Phạm Văn Hùng
Son âge..... Mấy tuổi.....	34 tuổi
Sa profession..... Làm nghề gì.....	Làm ruộng
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	Ấn Độ
Nom et prénoms du 2 ^e témoin..... Tên, họ người chứng thứ nhì.....	Võ Văn Chất
Son âge..... Mấy tuổi.....	33 tuổi
Sa profession..... Làm nghề gì.....	Làm ruộng
Son domicile..... Nhà cửa ở đâu.....	Ấn Độ

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état civil.

(1) Lề chừa để mà lược biên án tòa cái giấy khai sanh lại.

A *Quảng*, le *25 Decembre* 1928
Tại *Ấn Độ*, ngày

Le déclarant,
Người khai,

L'officier de l'état civil,
Chức việc coi bộ dôi,

Les témoins,
Các người chứng,

Trần Văn Xuân

Phạm Văn Hùng
Võ Văn Chất

Vu par nous *Ng. Del* Juge de Paix indigène

pour légalisation des signatures des notables

du village de *Tam Cuong* approuvés d'autre

part

Goussale 4 Mars 1928

Juge de Paix indigène



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV / _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN - TÂN - CHI Sex:
Phái: Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : Không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 18-3-1941 - Gò Công
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 34/17 Cư Xá 'Lũy Gia' - Phường 15 Quận 11
Thành Phố Hồ Chí Minh - Việt Nam
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 34/17 Cư Xá 'Lũy Gia' - Phường 15 Quận 11
Thành Phố Hồ Chí Minh - Việt Nam
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Chưa có vì đi cầu tạo mới về
8. Relatives To Accompany Me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Xả khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>TRẦN THỊ MAI</u>	<u>19-12-1912</u>	<u>Gò Công</u>	<u>Nữ</u>	<u>Tạm trú sing</u>	<u>Me</u>
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

NGUYỄN CHÍ THÀNH

b. Relationship
Liên-hệ gia-dình

Em trai

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, Tên

LÊ NGỌC TUYẾT HOA

b. Relationship
Liên-hệ gia-dình

Vợ

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Dình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

Nguyễn Văn Luân (mất năm 1969)

2. Mother
Mẹ

Trần Thị Mai

3. Spouse
Vợ/Chồng:

Lê Ngọc Tuyết Hoa

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1) Nguyễn Chí Lê Phương

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1) Nguyễn Thị Trinh (mất) Chị

(2) Nguyễn Kim Định (mất) Chị

(3) Nguyễn Văn Tân (nam) Anh

(4) Nguyễn Kim Hoa (mất) Chị

(5) Nguyễn Chí Thành (nam) Em

(6) Nguyễn Thái Đạt (nam) Em

(7)

(8)

(9)

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

đi cải tạo

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

- Miller Philippe Hodge - John Tingle
(1971 - 1972)
- Khoa 2 Diên Vu (Phan Đại Mỹ Tây Trung Bào 1963)
- Khoa 2 Phan Tiến Bào (Phan Đại Mỹ Tây Trung Bào 1965)

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

- Khoa 4/69 Sĩ Quan Thụ Huấn

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award:
Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đúng sự có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vd/chồng đã huấn-luyện ở
ngoài quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-thọ chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vd/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

NGUYỄN - TÂN - CHÍ

2. Time in Reeducation:

From:

13/6/1975

To:

9/8/1987

Thời gian học-tập

Từ:

Tới:

ở Trại Cải tạo
Nam Hà tỉnh Hà Nam Thái

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Tôi là Lan Bào Phan Đại Mỹ Tây Trung Bào từ 18/3/1963 đến 30/4/1975
năm 1969 đến Khoa 4/69 Sĩ Quan Thụ Huấn tiếp tục phục vụ
ở Phan Đại Mỹ Tây Trung Bào - Tháng 3/1971 Bị bắt giam tại
nhà Bò Trại Cải tạo (Sát) tại Trại Cải tạo Đục Mìn G-423 F thuộc
Khu Cải tạo Đục Mìn - Tháng 3/1975 tại Trại G-2 Cải tạo Đục Mìn

Signature

Ký tên:

TZ

Date

Ngày:

29 - 10 - 1988

Quận 10 Saigon

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-cđ kèm theo với số câu hỏi này

- Bản sao giấy ra trại
- Giấy khai sinh.

I. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of You or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia:

NGUYỄN - TÂN - CHÍ

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến _____

18-3-1963 30-4-1975

3. Last Rank

Cấp-bậc cuối-cùng

Trung úy Bộ Binh

Serial Number:

Số thẻ nhân-viên: 61/105068

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung

Phục-vụ tại Trung úy Tiểu Đồn Biệt phái

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy

Phạm công Tâm tại Phục-vụ Trung úy Tiểu Đồn

- Trung tá cảnh sát Trần Tự Lập - Chỉ huy trưởng
cảnh sát Quận 10 Saigon
- Thuyền trưởng cảnh sát Huyết văn Hải - Trung
F cảnh sát Quận 10 Saigon

CONTROL

Card
+ Doc. Request; Form 07/07889
Release Order
Computer
Form: "B"
ODP/Date
Membership; Letter